Giá trị của Hiến pháp năm 1946 so với các bản Hiến pháp tiến bộ

Phan Thành Đạt

Kỳ 2. Các khuyết điểm của Hiến pháp năm 1946 và các bản Hiến pháp tiến bộ

Từ Bản thỉnh nguyện của nhân dân An Nam đến Hiến pháp năm 1946, những người Việt Nam ưu tú đã biết áp dụng những thành tựu trong lĩnh vực luật pháp do con người đúc kết từ hơn 4000 năm nay.

Đất nước đã trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử. Việt Nam đến nay vẫn là chú bé tí hon, ngơ ngác bên cạnh những người khổng lồ trong lĩnh vực luật pháp. Giấc mơ Phù Đổng sẽ khó thành hiện thực, nếu chú bé Việt Nam không biết đứng trên vai những người khổng lồ mà đi. Việt Nam chưa cần có những sáng tạo và chưa đủ khả năng sáng tạo ra những điều lớn lao về luật pháp. Việt Nam chỉ cần áp dụng những thành tựu về luật pháp mà nhân loại tiến bộ đã nghĩ ra và đã qua trải nghiệm từ mấy nghìn năm. Hiến pháp năm 1946 được coi là dân chủ và tiến bộ bởi vì hai điều kiện cơ bản của một bản Hiến pháp văn minh, theo điều 16 của Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 đã được tuân thủ: Bảo vệ quyền con người và tôn trọng nguyên tắc tam quyền phân lập. Một bản Hiến pháp không ghi nhận, hoặc phủ định hai nguyên tắc này, mới là bản Hiến pháp có khuyết điểm lớn nhất. Chúng ta sẽ quá nghiêm khắc khi cho rằng Hiến pháp năm 1946 có những khuyết điểm nghiêm trọng. Tuy nhiên, Bản Hiến Pháp này có những thiếu sót cần phải khắc phục. Khi xem xét các bản Hiến pháp tiến bộ nhất hiện nay, chúng ta sẽ thấy rằng bản Hiến pháp nào cũng có những khuyết điểm.

A. Những khuyết điểm của Hiến pháp năm 1946

Hiến pháp năm 1946 dành nhiều quyền hạn cho ban thường vụ Quốc hội. Ban thường vụ có thể thay mặt Quốc hội, kết hợp với Chính phủ thực thi và đưa ra các quyết định quan trọng như tuyên bố chiến tranh hay đình chiến. Điều này hoàn toàn sai về nguyên tắc, vì khi Quốc hội không họp, không có bất cứ tổ chức hay cơ quan nào có quyền quyết định thay cho Quốc hội. Trừ khi nhân dân có thể quyết định thay, thông qua quyền phúc quyết được Hiến pháp công nhận. Quốc hội là cơ quan dân biểu, nên mọi quyết định lớn nhỏ thuộc thẩm quyền, phải được các đại biểu thảo luận và bàn bạc. Các đại biểu phải có mặt đông đủ, nếu số lượng vắng mặt quá mức quy định, mọi dự thảo luật được thông qua đều không có giá trị. Trong những trường hợp khẩn cấp, như nguy cơ chiến tranh, thiên tai định họa, hoặc cần phải đưa ra những quyết định quan trọng thông qua các đạo luật. Quốc hội cần được triệu tập khẩn cấp nếu không phải giai đoạn họp theo định kỳ.

Vấn đề kiêm nhiệm của các đại biểu Quốc hội cũng không được nêu cụ thể, Hiến pháp chỉ quy định các đại biểu là thành viên Chính phủ, sẽ không giữ vai trò nghị sĩ trong Quốc hội. Còn các đại biểu đồng thời là các cán bộ viên chức ở các cơ quan hành chính khác vẫn được phép kiêm nhiệm nhiều chức vụ. Do đó tính chuyên nghiệp của Quốc hội và hiệu quả công việc của các đại biểu sẽ không cao.

Vai trò của Phó chủ tịch nước được Hiến pháp quy định không rõ ràng. Mối liên hệ giữa Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ không được quy định cụ thể. Nhiệm kì của các đại biểu Quốc hội chỉ có 3 năm, trong khi nhiệm kì của Chủ tịch nước là 5 năm, như vậy nhiệm kì của Quốc hội và Chủ tịch nước được Hiến pháp quy định hoàn toàn không hợp lý. Cách sắp xếp tốt nhất là nên thống nhất nhiệm kì 5 năm của Quốc hội và Chủ tịch nước. Như vậy mỗi khóa mới, các nghị sĩ sẽ bầu ra Chủ tịch nước thay vì phải hợp tác với người đứng đầu cơ quan hành pháp được bầu ra từ khóa trước. Nhờ đó hợp tác giữa hai cơ quan hành pháp và lập pháp sẽ tốt hơn để hoàn thành những kế hoạch được đề ra. Chủ tịch nước và Chính phủ sẽ phải chịu sức ép nhiều hơn từ phía Quốc hội, điều này buộc cơ quan hành pháp không sao nhãng công việc của mình.

Hiến pháp năm 1946 không bàn đến việc thành lập Tòa bảo hiến, vai trò và cách thức hoạt động của Tòa án đặc biệt này, cũng không hề nêu ra cơ chế kiểm soát các đạo luật vi hiến. Vì vậy, các đạo luật sai trái do Quốc hội thông qua (điều này hoàn toàn có thể diễn ra thường xuyên trong thực tế), được Chính phủ thi hành, thông qua các nghị định áp dụng luật. Nếu luật đã sai vì vi hiến, nghị định áp dụng cho dù đúng luật đó, cũng sai theo. Cả luật và nghị định đều sai cùng tồn tại, mà không có một cơ chế nào để hạn chế những vi phạm này. Đây là thiếu sót lớn nhất của Hiến pháp năm 1946 và cũng là thiếu sót của các bản Hiến pháp của nước Pháp trước năm 1958. Cơ chế bảo hiến hoàn toàn không được coi trọng trong vòng nhiều thập kỳ ở Pháp và khuyết điểm này lại được lặp lại trong Hiến pháp 1946. Điều này hoàn toàn có thể hiểu được vì tính thượng tôn của luật pháp (la nomophonie) được các nhà tư tưởng như Sieyès, RobesPierre, Saint Jus khai thác triệt để. Luật pháp là cách biểu đạt chung, thể hiện tinh thần và nguyện vọng của nhân dân (la loi est l'expression de la volonté générale). Do đó các đạo luật được ban ra không thể sai được, thiết lập một cơ chế bảo hiến để xem xét và kiểm soát các đạo luật là không cần thiết. Vì điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần và nguyện vọng chung. Cái nhìn chủ quan và duy ý chí đã tạo ra lỗ hổng luật pháp trong nhiều năm liền. Hiến pháp năm 1958 của Pháp đã khắc phục được điểm yếu này, khi vai trò của Hội đồng bảo hiến được quy định cụ thể. Việt Nam cũng không có cơ hội để sửa đổi và bổ sung khuyết điểm này của Hiến pháp năm 1946 do chiến tranh liên miên và bối cảnh lịch sử có nhiều biến động. Vì vậy Hiến pháp 1946 được ban ra, nhưng không được sửa đổi và bổ sung cho hoàn thiện như các bản Hiến pháp tiến bộ khác của Mỹ, Đức, Tây Ban Nha… Các bản Hiến pháp tiếp theo của Việt Nam, gồm cả Hiến pháp năm 1992 đều mắc khuyết điểm này. Điều này sẽ gây nhiều khó khăn trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền và bảo vệ các giá trị đích thực được Hiến pháp ghi nhận.

Nước Mỹ đã có cơ chế bảo hiến từ rất sớm. Tòa án tối cao Mỹ, trong một phán quyết mang tính lịch sử Marbury v. Madison năm 1803, đã khẳng định và đề cao vai trò bảo

hiến, nhiệm vụ này được Tòa án tối cao Mỹ và tòa án các bang thực hiện nghiêm chỉnh từ hơn hai thế kỷ nay. Ở Châu Âu, Tòa bảo hiến xuất hiện lần đầu tiên năm 1920 tại Áo, do nhà luật học Hans Kelsen sáng lập, sau đó nhiều nước đã áp dụng theo mô hình này. Không phải riêng gì các bản Hiến pháp của chú bé tí hon Việt Nam mới có khuyết điểm, các bản Hiến pháp của những người khổng lồ về luật pháp cũng có sai sót.

B. Những khuyết điểm của các bản Hiến pháp tiến bộ

1. Hiến pháp Mỹ và quyền được mang vũ khí

Hiến pháp Mỹ là văn bản luật có sức sống lâu bền và là một trong những bản Hiến pháp nổi tiếng và có ảnh hưởng nhiều nhất trên thế giới. Đây là một văn bản ngắn gọn và có sức khái quát cao. Một câu hay một ý có thể diễn đạt được nhiều điều. Tòa án tối cao Mỹ là cơ quan quan trọng nhất để biểu đạt các nguyên tắc được Hiến pháp ghi nhận và có nhiệm vụ bảo vệ các giá trị của Hiến pháp Mỹ. Bằng nhiều quyết định quan trọng của mình, Tòa án tối cao Mỹ đã góp phần đưa Hiến pháp vào đời sống hàng ngày nhằm bảo vệ các quyền công dân được Hiến pháp công nhận, nhằm loại bỏ các đạo luật vi hiến, và điều ý nghĩa hơn cả là giúp công dân hiểu Hiến pháp và pháp luật để xây dựng Nhà nước pháp quyền, của dân, do dân, vì dân (Abraham Lincoln). Một bản Hiến pháp tiến bộ mà không có cơ chế bảo hiến thì bản Hiến pháp đó sẽ không phát huy tác dụng, nói theo cách của các nhà luật học Pháp, đó là bản Hiến pháp chết yểu (une Constitution morte-née). Tòa án tối cao Mỹ trong một phán quyết mang tên Texas v. Johnson năm 1989 nhằm bảo vệ tự do ngôn luận, quyền này được lần sửa đổi thứ nhất Hiến pháp Mỹ công nhận. Tòa án tối cao đã tuyên bố: «Đốt cờ Mỹ khi tham gia biểu tình là một cách biểu đạt tự do ngôn luận, được điều sửa đổi thứ nhất bảo vệ». Bang Texas không có quyền trừng phạt người biểu tình, quyền tự do ngôn luận ghi trong Hiến pháp có giá trị cao hơn luật lệ của các bang. Năm 1990, Tòa án tối cao Mỹ đã loại bỏ một đạo luật hạn chế biểu tình, vì vi phạm Hiến pháp. Tòa án tối cao Mỹ luôn nỗ lực bảo vệ Hiến pháp, tuy nhiên phải chăng mọi điều ghi trong đó luôn đúng. Ở đây, chúng ta sẽ bàn đến quyền được sử dụng vũ khí của công dân Mỹ.

Điều sửa đổi thứ 2 là 1 trong số 12 điều được Đại hội (gồm Thượng viện và Hạ viện nhóm họp) đề nghị bổ sung vào Hiến pháp Mỹ, ngày 25 tháng 9 năm 1789. 10 điều sửa đổi đã được Đại hội phê chuẩn, 10 điều này ghi nhận các quyền cơ bản của công dân. Điều sửa đổi thứ 2 bảo vệ quyền sử dụng vũ khí của người Mỹ: «Lực lượng cảnh sát được tổ chức chặt chẽ là yếu tố cần thiết để đảm bảo an ninh trong một đất nước tự do, nhân dân có quyền sử dụng vũ khí, và mang theo vũ khí. Quyền này được Hiến pháp bảo vệ», (điều sửa đổi thứ 2, Hiến pháp Mỹ, ngày 17 tháng 9 năm 1787).

Quyền được trang bị và sử dụng vũ khí gây nhiều tranh cãi, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Khi mà trong vòng chưa đầy một tháng, đã có 3 vụ xả súng bắn vào đồng loại, tình trạng mất an toàn và tâm lý lo sợ của người dân Mỹ, khiến nhiều người Mỹ trang bị vũ khí để phòng thân, vì thế các cửa hàng bán vũ khí đang làm ăn phát tài. Thực tế là nước Mỹ cho dù đã có những cơ chế quy định việc mua bán vũ khí của công dân, vẫn không kiểm soát nổi việc sử dụng vũ khí và thị trường buôn bán mặt hàng này. Những vụ xả

súng vào đồng loại vì thế chưa thể chấm dứt và có chiều hướng ngày càng phức tạp, điều nguy hại là, hiện tượng này đã lan sang Châu Âu, qua các vụ xả súng bắn vào đồng loại ở Na Uy và Pháp. Đạo diễn Machael Moore đã chua chát nhận xét: «Những người Mỹ là những kẻ giết người có năng khiếu». Quyền sử dụng vũ khí được Hiến pháp Mỹ thừa nhận là con dao hai lưỡi. Quyền này cho phép công dân Mỹ sử dụng súng khi cần thiết nhất là trong tình huống phòng vệ hợp pháp khi bị tấn công, khi mạng sống bị đe dọa. Cũng cần hiểu rõ thêm về điều sửa đổi thứ 2 trong Hiến pháp. Điều này được thông qua năm 1789, vào thời điểm mà xã hội Mỹ đang được tổ chức, tình trạng thiếu an toàn diễn ra phổ biến ở các thành phố mới do những nhóm người di cư đến. Nhiều nơi họ tự bầu ra các nhóm tự quản trang bị vũ khí để bảo vệ người và tài sản. Hơn nữa, dùng súng phục vụ cho các hoạt động săn bắn đã trở thành truyền thống của nhiều thế hệ người Mỹ. Quyền sử dụng súng được Hiến pháp thừa nhận dựa trên các điều kiện đó. Hơn hai thế kỷ đã trôi qua, xã hội Mỹ đã được tổ chức chặt chẽ. Hoàn cảnh đã có nhiều thay đổi, các tác động tiêu cực của các bộ phim hành động và các trò chơi game bạo lực khiến xã hội Mỹ thêm phức tạp. Nếu vẫn giữ nguyên điều này trong Hiến pháp, sẽ gây thêm nhiều bất ổn. Các đạo luật ngăn cấm và hạn chế tối đa việc sử dụng súng có thể bị coi là vi hiến, và không áp dụng được. Quyền sử dụng súng để bảo vệ mạng sống của mình và gia đình, chống lại cái ác là hợp pháp, nhưng quyền này cũng tạo ra các tiêu cực, và quyền được sống của nhiều người vô tội đã bị tước đoạt.

Tất cả các bản Hiến pháp tiến bộ của các nước Châu Âu đều không đả động gì về quyền được sử dụng vũ khí của công dân, duy nhất Hiến pháp Mỹ ghi nhận công khai quyền này. Cả nước Mỹ đang đau đầu về tình trạng sử dụng vũ khí tràn lan, có lẽ liều thuốc hữu hiệu là loại bỏ hoàn toàn điều này khỏi Hiến pháp Mỹ, để tạo điều kiện cho các đạo luật siết chặt việc sử dụng vũ khí và tiến tới cấm hẳn các hoạt động buôn bán vũ khí và sử dụng vũ khí, và Nhà nước nên thu mua các loại vũ khí của dân, có lẽ như vậy lợi sẽ nhiều hơn hại.

Để loại bỏ điều sửa đổi thứ 2 khỏi Hiến pháp Mỹ, điều cơ bản là cần có tiếng nói ủng hộ của các nghệ sỹ, các chính khách và các tổ chức xã hội, cuộc vận động bãi bỏ điều sửa đổi thứ hai có thể kéo dài nhiều năm. Vì điều này đã tồn tại được 223 năm và ăn sâu vào tiềm thức của nhiều người. Có nhiều người Mỹ muốn Nghị viện loại bỏ điều này khỏi Hiến pháp, nhưng cũng có không ít người muốn quyền được sử dụng vũ khí tiếp tục hiện diện trong Hiến pháp Mỹ (chính Tổng thống Obama cũng không bàn gì về điều này trong trương trình tranh cử nhiệm kỳ 2 của mình). Nhưng điều cơ bản nhất là an ninh phải được đảm bảo bằng các biện pháp hữu hiệu khác, chứ không nhất thiết phải sử dụng vũ khí, vì đây là nguồn gốc của các vụ bắn giết tràn lan, khiến người Mỹ luôn sống trong trạng thái căng thẳng và lo sợ. Loại bỏ điều này ra khỏi Hiến pháp cũng không kém phần khó khăn, giống như sự nghiệp đấu tranh đòi các quyền bình đẳng của người da den và da màu trên đất Mỹ của mục sư Martin Luther King. Nhưng khi xã hội Mỹ bị đánh động và thuyết phục thì điều này sẽ sớm được bãi bỏ.

Nếu chúng ta phân tích kỹ hơn bản Hiến pháp già cỗi này (cách gọi của giáo sư Mélin-Soucramanien), chúng ta sẽ nhận thấy Hiến pháp Mỹ có một số chi tiết mang tính tôn

giáo như việc Tổng thống Mỹ, trong lễ nhận chức, chạm tay vào kinh thánh và tuyên thệ trung thành với các giá trị của Hiến pháp quy định, đồng thời luôn luôn bảo vệ các giá trị đó. Chi tiết này dập khuôn theo lễ phong danh hiệu hiệp sĩ thời Trung cổ ở Châu Âu. Một nghi lễ tôn giáo được chuyển thành nghi lễ mang tính chính trị sẽ không phù hợp trong một số hoàn cảnh cụ thể. Nghi lễ này sẽ mang tính giáo điều, không hợp với quyền tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng được chính Hiến pháp Mỹ bảo vệ. Chúng ta hãy lấy ví dụ, Tổng thống Mỹ trong tương lai có thể không phải là người theo công giáo mà là tín đồ nhiệt thành của một tôn giáo khác như đạo Phật, đạo Bà la môn, hay đạo Hồi, hoặc theo một giáo phái nào đó. Nghi lễ này sẽ trở thành giáo điều, khiến ta liên tưởng đến các vị vua của Pháp thời Trung cổ, vua phải là tín đồ công giáo, được giáo hội thừa nhận bằng nghi lễ phong vương (vua Henry IV là người theo đạo Tin lành, ông buộc phải thay đổi tôn giáo để trở thành vua hợp pháp).

Quyền sử dụng súng, có thể là ý tưởng từ những quy định trong bộ luật hiệp sĩ (le code chevaleresque). Theo đó, hiệp sĩ là người được mang vũ khí, để bảo vệ niềm tin tôn giáo, và che chở những người yếu đuối. Người có vũ khí không được tấn công phụ nữ, người già và trẻ em, không được phá hủy mùa màng của nông dân… Nếu vi phạm sẽ bị tước danh hiệu hiệp sĩ và bị rút phép thông công. Hai hình thức trừng phạt nặng nề. Quyền được mang vũ khí của người hiệp sĩ để bảo vệ người yếu đuối và chiến đấu vì công bằng xã hội được các nhà lập hiến Mỹ học theo và ghi nhận là quyền tự do được Hiến pháp công nhận, điều này rất không ổn.

Các giá trị tự do của Mỹ ở một số khía cạnh đã đi quá xa, nhưng ở một số khía cạnh khác lại siết chặt. Ví dụ tự do đi lại đã bị siết chặt bằng các hình thức kiểm tra khắt khe kể từ vụ khủng bố ngày 11tháng 9 năm 2001.

Người Pháp tỏ ra thận trọng hơn khi công bố các quyền tự do. Điều 4, Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 ghi rõ: «Tự do là làm tất cả những gì không hại đến người khác, đó là các quyền tự nhiên của con người, thực hiện các quyền tự do ở mỗi người cũng cần có giới hạn, giới hạn ấy nhằm đảo bảo cho các thành viên khác trong xã hội cũng được hưởng các quyền tự do tương tự. Các giới hạn của tự do cần được quy định bằng các đạo luật». Cho dù các nhà soạn thảo Bản tuyên ngôn của Pháp rất tài năng và các nhà lập hiến pháp sau này có kế thừa các giá trị vĩnh cửu của Bản tuyên ngôn năm 1789, nhưng các bản Hiến pháp được họ viết ra, vẫn bộc lộ nhiều thiếu sót.

2. Hiến pháp Pháp năm 1958, tấm áo vá víu các quyền tự do dân chủ

Hiến pháp Pháp ngày 04 tháng 10 năm 1958 được các nhà lập hiến biên soạn trong một khoảng thời gian ngắn (3 tháng). Hiến pháp được 86 % dân số Pháp tán thành thông qua hình thức trưng cầu dân ý. Bản Hiến pháp được biên soạn theo sáng kiến của tướng De Gaulle với mục đích ban nhiều quyền cho cơ quan hành pháp, để cơ quan này giải quyết tốt hơn cuộc khủng hoảng chính trị tại thuộc địa Algérie. Hiến pháp năm 1958 thiết lập nền cộng hòa đệ ngũ. Hiến pháp cũng chú trọng đến sự cân bằng giữa các nhánh quyền lực nhằm tạo sự ổn định về chính trị. Tuy nhiên bản Hiến pháp này bộc lộ nhiều khuyết điểm.

Hiến pháp năm 1958 không nêu rõ các quyền cơ bản của công dân, Đây là thiếu sót rất lớn của bản Hiến pháp này, so với 14 bản Hiến pháp trước đó. Ngoại trừ điều 66 quy định thẩm quyền của cơ quan tư pháp phụ trách về luật tư: «Không ai có thể bị giam giữ theo kiểu không minh bạch mà không biết rõ tội trạng, quan tòa phụ trách về luật tư là người bảo vệ duy nhất các quyền tự do cơ bản của công dân. Các đạo luật phải luôn tuân thủ nguyên tắc này». Điều này nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của công dân chống lại sự lạm quyền của Nhà nước. Vì ở Pháp, luật công và luật tư là hai nhánh tách biệt, quan tòa phụ trách về luật công có vai trò và nhiệm vụ khác với các quan tòa luật tư. Nếu giao việc bảo vệ các quyền cơ bản nhất của công dân cho các quan tòa luật công, khi mà họ ðều là công chức nhà nýớc, mỗi khi Nhà nýớc vi phạm các quyền công dân, các nhà lập hiến sợ rằng các quan tòa luật công sẽ phán xét theo hướng bất lợi cho công dân và có lợi cho Nhà nước. Điều 66 thể hiện tinh thần dân chủ của Hiến pháp năm 1958, tuy vậy điều này lại trừu tượng và không nêu các quyền cơ bản của công dân là những quyền nào. Toàn bộ nội dung của Hiến pháp năm 1958 cũng ít đề cập về các quyền công dân, mà thiên về cách thức tổ chức của các cơ quan hành pháp, lập pháp, tư pháp và quy định các thẩm quyền riêng biệt của 3 nhánh quyền lực này. Một bản Hiến pháp ít chú ý đến quyền con người là bản Hiến pháp lạc hậu, và bản Hiến pháp biên soạn theo ý tưởng của De Gaulle đã bộc lộ yếu kém đó. Hội đồng bảo hiến bằng một quyết định lịch sử năm 1971 đã khắc phục thiếu sót này. Quyết định có tên tự do lập hội (la liberté d'association). Quyết định này ghi nhận Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 và lời tựa của Hiến pháp năm 1946 là hai văn bản bổ sung cho Hiến pháp năm 1958 và có giá trị như Hiến pháp. Nhà luật học Louis Favoreu, trưởng khoa luật Aix en Provence gọi hai văn bản thêm vào này là những nguyên tắc mang giá trị hiến pháp (le bloc de constitutionnalité). Nhờ quyết định này, Hiến pháp năm 1958 trở nên đầy đủ hơn, các quyền cơ bản của con người được thừa nhận và bảo vệ từ năm 1789 và ghi nhận thêm năm 1946, tiếp tục được Hiến pháp kế thừa. Quyết định này cũng nâng cao vai trò của Hội đồng bảo hiến, đó là bảo vệ quyền con người được Hiến pháp ghi nhận. So với Hiến pháp Đức, Tây Ban Nha, Ý. Hiến pháp Pháp năm 1958 sơ sài và có nhiều thiếu sót, nhưng nhờ những cố gắng không mệt mỏi của Hội đồng bảo hiến, bản Hiến pháp này được bổ sung và trở nên tiến bộ hơn, đóng góp lớn vào sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền (3) Tuy vậy Hiến pháp năm 1958 và các văn bản bổ sung vẫn không nêu rõ một số quyền cụ thể, như quyền được sống. Các quyết định của Hội đồng hiến pháp thừa nhận quyền này, nhưng các lập luận và phân tích của các quan tòa hiến pháp không có sức thuyết phục. Một ủy ban do cựu Thủ tướng Lionnel Jospin đứng đầu đang nhóm họp và có thể sẽ đưa ra các sáng kiến quan trọng nhằm cải cách hành chính và sửa đổi Hiến pháp để ghi nhận rõ ràng hơn các quyền cơ bản của công dân.

Ngoài ra, điều 16 Hiến pháp năm 1958 cũng ẩn chứa nhiều nguy cơ đe dọa đến các giá trị tự do dân chủ của nước Pháp. Nội dung điều này quy định, một khi đất nước lâm vào tình thế hiểm nguy như chiến tranh, đe dọa khủng bố, thiên tai… Tổng thống có toàn quyền lập pháp và hành pháp để đề nghị và thực thi các quyết định quan trọng nhằm bảo vệ đất nước. Trước khi ra quyết định, Tổng thống cần hỏi ý kiến chủ tịch hai viện và các quan tòa của Hội đồng hiến pháp. Quốc hội sẽ họp thường trực và không thể bị giải tán

trong hoàn cảnh này. Điều 16 được áp dụng trong bối cảnh đặc biệt này đã vi phạm nguyên tắc tam quyền phân lập. Bản Hiến pháp dân chủ nhưng lại ghi nhận một nguyên tắc của Nhà nước độc tài, các nhà lập hiến ban ra điều này, giúp Tổng thống có toàn quyền đưa ra các quyết định nhanh chóng để bảo vệ đất nước trong hoàn cảnh khó khăn, nhằm tránh những thất bại trước đây, như khi Pháp thua Phổ năm 1870, Tổng thống Napoléon III, cháu của Napoléon I, phải chạy sang Anh. Hay cuộc tháo chạy của quân đội Pháp năm 1940, sau khi phòng tuyến Maginot bị quân của Hitler phá vỡ. Tổng thống François Mitterrand muốn xóa bỏ điều này khỏi Hiến pháp, nhưng sau nhiều cuộc thảo luận, điều này vẫn được giữ lại. Cho dù điều này đã được sửa đổi, các quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp của Tổng thống bị giám sát kĩ hơn, nguy cơ thiết lập một chế độ độc tài ít có khả năng diễn ra tại Pháp, tuy nhiên, giao cho Tổng thống quá nhiều quyền hành trong hoàn cảnh đặc biệt, luôn khiến các nhà luật học lo ngại, vì các quyền con người sẽ bị xem nhẹ khi áp dụng điều 16, hơn nữa, cách hành xử độc đoán khi áp dụng điều này hoàn toàn có khả năng diễn ra.

Các bản Hiến pháp tiến bộ khác của các nước phương Tây, ít nhiều đều có thiếu sót. Tuy nhiên, những khuyết điểm đều có thể khắc phục được bằng cách sửa chữa và bổ sung thêm các giá trị nhằm bảo vệ quyền con người, xây dựng nền dân chủ và Nhà nước pháp quyền tiến bộ. Hiến pháp Bỉ có thiếu sót khi muốn thiết lập Nhà nước liên bang, tuy nhiên các điều kiện để xây dựng mô hình liên bang chưa được chuẩn bị kĩ, cách thức phân bố quyền lực giữa hội đồng vùng và cộng đồng không hợp lí, những lợi ích của hai cộng đồng Flandre và Wallonnie không được giải quyết khéo léo… Tất cả những thiếu sót này đã dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị ở Bỉ trong nhiều tháng. Các bản Hiến pháp Đức, Ý, Tây Ban Nha tương đối hoàn chỉnh, tất cả những giá trị cơ bản nhất như bảo vệ quyền con người, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân do dân và vì dân, các nguyên tắc đảm bảo và duy trì nền dân chủ như tôn trọng tam quyền phân lập, đề cao vai trò của tòa bảo hiến… đều được Hiến pháp công nhận và được Nhà nước nghiêm túc thực hiện. Trong tất cả các bản Hiến pháp phương Tây, Hiến pháp Đức tiêu biểu hơn cả và là văn bản xứng đáng để Việt Nam tham khảo và học tập.

Hiến pháp năm 1946 là văn bản được ban ra cho quốc dân đồng bào trong hoàn cảnh đặc biệt. Đó là thời kỳ mới giành độc lập, ảnh hưởng của các cường quốc Liên Xô và Trung Quốc chưa sâu đậm trong đời sống văn hóa, chính trị của Việt Nam. Điều đáng quý nhất ở bản Hiến pháp này là tiếp thu được những nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ phương Tây, đồng thời đề cao tinh thần đoàn kết dân tộc, và phát huy tiềm lực của người Việt Nam nhằm kiến thiết đất nước văn minh, giàu mạnh. Chính vì vậy mà bản Hiến pháp này có sức sống lâu bền với thời gian vì những khát vọng của các nhà soạn thảo Hiến pháp năm 1946 cũng chính là ước mơ của mỗi người Việt Nam từ bao đời nay.

Trở lại với Hiến pháp năm 1946, không phải là người Việt Nam hôm nay chép lại toàn bộ từng câu từng chữ của bản Hiến pháp, mà là trở lại với tinh thần dân chủ, nhân bản và tiến bộ đó. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 1946 cũng có một số khuyết điểm cần phải chỉnh sửa và cần bổ sung thêm một số nguyên tắc, bởi vì từ khi văn bản quan trọng này được ban hành, Việt Nam không có cơ hội để sửa đổi và bổ sung thêm các giá trị được các

nước phương Tây sáng tạo nhằm xây dựng chế độ nghị viện tiên tiến. Hơn nữa tinh thần của Hiến pháp năm 1946 chưa được tiếp thu và phát huy một cách sáng tạo, bài bản ở các bản Hiến pháp sau này. Hiến pháp năm 1946 là văn bản luật tiến bộ song chưa hoàn chỉnh. Để bổ sung thêm các nguyên tắc mà các nước phương tây đã sáng tạo và hoàn thiện thêm cho thể chế nghị viện, người viết bài này xin đưa ra một số gợi ý nhằm lấp những khoảng trống mà Hiến pháp chưa đề cập đến.

(Còn tiếp)

P.T.Đ.

Tác giả gửi trực tiếp cho *BVN*

Nguồn: https://hienphap.wordpress.com/2013/02/20/gia-tri-cua-hien-phap-nam-1946-so-voi-cac-ban-hien-phap-tien-bo-ki-2-phan-thanh-dat/